

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AICA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AICA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AICA INVEST JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110775151

**3. Ngày thành lập:** 05/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô 1A số nhà 20 ngõ 34 đường Vũ Phạm Hàm, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936177000

Fax:

Email: aica.cskh@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                             | 3312     |
| 2.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                 | 3313     |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                 | 3314     |
| 4.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                 | 3319     |
| 5.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                | 3320     |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                  | 4321     |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                  | 4322     |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                         | 4329     |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa (loại trừ hoạt động đấu giá);<br>- Môi giới mua bán hàng hóa. | 4610     |
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                    | 4651     |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                     | 4652     |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                        | 4659     |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                | 4663     |
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu                                                                                      | 4669     |
| 15. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                           | 4690     |
| 16. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                 | 4741     |
| 17. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4742     |

|     |                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                     | 4759        |
| 19. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                              | 4774        |
| 20. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                         | 4784        |
| 21. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                     | 4791        |
| 22. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                | 4799        |
| 23. | Xuất bản phần mềm<br>(trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                          | 5820        |
| 24. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                            | 5912        |
| 25. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                       | 6201        |
| 26. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                         | 6202        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                             | 6209        |
| 28. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                          | 6311        |
| 29. | Cổng thông tin<br>(loại trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                              | 6312        |
| 30. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;            | 6399        |
| 31. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                              | 6619        |
| 32. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)                                                                            | 7020(Chính) |
| 33. | Quảng cáo<br>(Không bao gồm quảng cáo thuốc lá, các loại quảng cáo nhà nước cấm)                                                                                                            | 7310        |
| 34. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)                                                                                      | 7320        |
| 35. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                              | 7410        |
| 36. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn về công nghệ khác;<br>- Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý... | 7490        |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 37. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                             | 8110 |
| 38. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                           | 8230 |
| 39. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh | 8299 |
| 40. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                      | 8531 |
| 41. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                   | 8532 |
| 42. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                    | 8533 |
| 43. | Đào tạo đại học                                                                                                                     | 8541 |
| 44. | Giáo dục khác chưa được phân vào đầu<br>(loại trừ: - Dạy về tôn giáo; - Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)                  | 8559 |
| 45. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                             | 8560 |
| 46. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                           | 9511 |
| 47. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                          | 9512 |

6. **Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ  
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 50.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                     | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN DUY ANH | Số 1 Ngách 189/33 phố Giảng Võ, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 19.000     | 190.000.000           | 38,000    | 001082000928                                                                                |         |
|     |                |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                            | Tổng số                   | 19.000     | 190.000.000           | 38,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                            |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                         |                                                                                                                       |                                    |        |             |        |                  |
|---|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 2 | LÊ QUỐC LONG            | Số A22, Tổ 4<br>Cụm 1, Phường<br>Xuân La, Quận<br>Tây Hồ, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 5.000  | 50.000.000  | 10,000 | 0010880052<br>38 |
|   |                         |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                       | Tổng số                            | 5.000  | 50.000.000  | 10,000 |                  |
| 3 | NGUYỄN THỊ<br>THU HƯƠNG | Số 48 Ngõ 477<br>đường Nguyễn<br>Trãi, Phường<br>Thanh Xuân<br>Nam, Quận Thanh<br>Xuân, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  | 0341700071<br>41 |
|   |                         |                                                                                                                       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000 | 100.000.000 | 20,000 |                  |
|   |                         |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                       | Tổng số                            | 10.000 | 100.000.000 | 20,000 |                  |
| 4 | HOÀNG THỊ<br>THANH HẢO  | Số 36 phố Ngõ<br>Huyện, Phường<br>Hàng Trống,<br>Quận Hoàn Kiếm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  | 0011760555<br>43 |
|   |                         |                                                                                                                       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 11.000 | 110.000.000 | 22,000 |                  |
|   |                         |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                       | Tổng số                            | 11.000 | 110.000.000 | 22,000 |                  |

|   |                     |                                                                                                      |                           |       |            |        |              |
|---|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------|------------|--------|--------------|
| 5 | LƯƠNG THỊ THANH NGÀ | Số nhà 62 ngõ 115 đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000  | 001184006547 |
|   |                     |                                                                                                      | Cổ phần phổ thông         | 5.000 | 50.000.000 | 10,000 |              |
|   |                     |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                                                      | Tổng số                   | 5.000 | 50.000.000 | 10,000 |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 08/08/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034170007141

Ngày cấp: 29/07/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 48 Ngõ 477 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 48 Ngõ 477 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội